

Bản án số: 659/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019.

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tiêu Kim Thuận.

Ông Trần Phú Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Xuân D, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 575/31/17H CMTT, Phường MN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 575/31/17H CMTT, Phường MN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Mai Xuân D trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 234, quyền số 01/2008, ngày 01/12/2008.

Quá trình sống chung, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do lối sống và quan điểm sống không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do ông H ghen tuông vô cớ với tất cả các mối quan hệ xã hội, đồng nghiệp của bà. Công việc của bà phải đi trực đêm nhưng về nhà thì ông H luôn tra hỏi, khủng bố tinh thần không cho bà ngủ. Bà đi đâu làm gì cũng bị ông H theo dõi, cấm đoán và gây chuyện. Bà cũng đã cố gắng chịu đựng và hòa giải nhưng không thể chịu đựng thêm nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng với nhau không còn, tinh thần luôn bất an, lo lắng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mai Thanh L, sinh ngày 14/06/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Mai Thanh N, sinh ngày 19/04/2009. Bà D nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông và bà D tự nguyện chung sống năm 1999 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2008. Vợ chồng chung sống với nhau không có mâu thuẫn lớn mà chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Mâu thuẫn lớn nhất gần đây là do bà D cùng bạn bè ăn uống nhậu xỉn và chở con đi tới khuya, nhiều lần ông đã khuyên can nhưng bà D không nghe. Nay bà D xin ly hôn nhưng ông vẫn còn tình cảm đối với bà D, trẻ Lộc mới nhập ngũ, trẻ Ngân còn nhỏ. Nếu bà D quyết tâm xin ly hôn thì để con lớn thêm chút nữa, ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mai Thanh L, sinh ngày 14/06/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Mai Thanh N, sinh ngày 19/04/2009. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D thì ông không đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng, ông nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông H, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Ông H không đồng ý ly hôn với bà D. Nếu bà D cương quyết xin ly hôn thì để trẻ Ngân lớn thêm chút nữa, lúc đó ông sẽ đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D thì ông H đồng ý giao trẻ Ngân cho bà D nuôi dưỡng và sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con trong khả năng của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Xuân D yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Thanh H cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 234, quyền số 01/2008 do UBND Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2008, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Xuân D và ông Nguyễn Thanh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của ông H, ông còn thương yêu bà D nhưng lại muốn duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại chỉ vì trẻ N còn nhỏ. Về phía bà D, dù đã được Tòa

án đã động viên, hòa giải nhưng bà khẳng định bà không còn tình cảm với ông H, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà phải chịu áp lực về tinh thần, lo sợ và bất an khi về nhà cũng như làm việc nên bà mong muốn được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng chung sống ngoài tình cảm nam nữ, còn có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong cuộc sống những bất đồng giữa đôi bên tuy là những mâu thuẫn thông thường trong đời sống vợ chồng, nhưng do thiếu sự tôn trọng, thông cảm, chia sẻ, vun đắp, xây dựng nên mâu thuẫn trở nên sâu sắc, kéo dài không thể giải quyết được.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục chung sống thì không những không đem lại niềm vui, hạnh phúc mà còn đem lại sự đau khổ cho đôi bên, tình trạng đó ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con cái. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có hai con chung Nguyễn Mai Thanh L, sinh ngày 14/06/2000 (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Mai Thanh N, sinh ngày 19/04/2009 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Xuân D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H .

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Mai Thanh N, sinh ngày 19/04/2009 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà D chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017619 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 15, Quận 10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan